

Bản án số 29/2019/HSPT
Ngày 08 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Lê Tự và ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Trọng Kính - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/HSPT ngày 03/12/2018 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, do có kháng cáo.

Bị cáo: **Phạm Thị D**, sinh ngày 10/5/1986, tại xã tỉnh Nghệ An; đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân N và bà Ngô Thị C; có chồng Phạm Văn H (hiện không rõ nơi cư trú), có 03 con sinh các năm 2010, 2012, con nhỏ nhất là Phạm Đức N sinh ngày 22/01/2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt phạm tội quả tang lúc 22 giờ 00 ngày 17/4/2018, sau đó bị tạm giữ đến ngày 27/4/2018 và bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình; bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị D: Luật sư Lê Văn P - Văn phòng luật sư P, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người làm chứng là ông Lê Văn D, sinh năm 1986, cư trú tại: tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Một ngày giữa tháng 3/2018, Phạm Thị D đi chợ ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An thì gặp một người đàn ông chạy xe ôm (D không biết tên và địa chỉ) thuê vận chuyển ma túy được trả tiền công, D đồng ý và cho người đàn ông đó số điện thoại. Sau đó một thời gian có một người đàn ông nói giọng miền Nam gọi vào số máy của D, thuê D vận chuyển ma túy vào bến xe A, Thành phố Hồ Chí

Minh với tiền công là 30.000.000 đồng, D đồng ý. Sáng ngày 17/4/2018, theo hướng dẫn của người đàn ông đó qua điện thoại, D đi xe buýt lên huyện Q, tỉnh Nghệ An rồi thuê tắc xi lên khu vực rừng trên đường N thì có hai người đàn ông gọi lại và đưa cho D một bao lác (loại bao xác rắn) bên trong chứa ma túy. Sau khi nhận ma túy xong D mang về thị xã T, tỉnh Nghệ An mua một ba lô màu xanh rồi mở bao xác rắn ra lấy 03 túi ma túy (loại túi trà, màu vàng, có dòng chữ Trung Quốc) cất vào ba lô rồi đón xe xuống cầu B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày D đón xe khách H, Biển số 12B - 004.85 mang theo ba lô chứa ma túy đi Thành phố Hồ Chí Minh, khi xe chạy đến địa phận xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình thì bị lực lượng chức năng dừng xe kiểm tra phát hiện và bắt quả tang, thu trong ba lô của D 03 gói ma túy.

- Tại Bản Kết luận giám định số 405/GĐ-PC45 ngày 19/4/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 03 gói ma túy thu giữ lúc bắt quả tang Phạm Thị D là Methamphetamine, có tổng khối lượng 2.796,213 gam. Methamphetamine nằm trong Danh mục các chất ma túy, số thứ tự 67, Danh mục II, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ (nay nằm trong Danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323 Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ). Quá trình điều tra đã thu giữ của Phạm Thị D 03 gói ma túy đá, có tổng khối lượng 2.796,213 gam; 01 ba lô màu xanh đen đã cũ; 02 điện thoại di động đã qua sử dụng; 01 thẻ thanh toán và rút tiền Sacombank, số thẻ 9704032794106081. Hiện số vật chứng này đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2018.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HS-ST ngày 23/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thị D, xử phạt bị cáo Phạm Thị D **tù chung thân**, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2018 (ngày bị cáo bị bắt phạm tội quả tang theo hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy). Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị D.

3. Về xử lý tang vật vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng trong vụ án là 01 thùng cát tông bên trong chứa tổng cộng 2.786,623 gam chất ma túy sau giám định và vỏ bao gói đã được niêm phong có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và chữ ký của người tham gia niêm phong; 01 ba lô màu xanh. Tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen hiệu Masstel, bên trong có 2 sim; Trả lại cho bị cáo Phạm Thị D 01 chiếc điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, bên trong có 1 sim; 01 thẻ thanh toán và rút tiền Sacombank. Tình trạng vật chứng tịch thu tiêu hủy, điện thoại di động tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước; điện thoại di động, thẻ thanh toán trả lại cho bị cáo theo Biên bản giao nhận vật

chứng ngày 30/8/2018 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát Điều tra với cán bộ Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Về án phí vụ án: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Danh mục án phí, bị cáo Phạm Thị D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Ngày 30/10/2018, bị cáo Phạm Thị D có Đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là “*quá nặng*” vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng như phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi còn ở ngoài bị cáo tham gia nhiều hoạt động của các tổ chức xã hội, đóng góp xây dựng quê hương; có cha tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, bị cáo là lao động duy nhất nuôi 3 con nhỏ và mẹ già.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Phạm Thị D giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Bị cáo vận chuyển khối lượng ma túy gấp 27 lần khối lượng định khung theo khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự mà mức hình phạt khởi điểm theo khoản 4 Điều 250 là 20 năm tù nên Tòa án xử phạt bị cáo tù chung thân là không nặng, đề nghị giữ nguyên quyết định tại bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có thời hạn (20 năm) để bị cáo sớm trở về nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tội danh, khung hình phạt:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phạm Thị D và Luật sư bào chữa cho bị cáo thừa nhận bị cáo D mặc dù biết và nhận thức được mọi hành vi có liên quan đến tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự sẽ bị xử phạt mức án rất nghiêm khắc, nhưng bị cáo D vẫn bất chấp quy định của pháp luật nhận vận chuyển một bao xác rắn, bên trong chứa ma túy từ khu vực rừng trên đường N, huyện Q, tỉnh Nghệ An đến bến xe A, Thành phố Hồ Chí Minh với tiền công 30.000.000 đồng. Trên đường vận chuyển bao chứa ma túy nêu trên thì bị cáo D bị Công an tỉnh Quảng Bình bắt và lập Biên bản phạm tội quả tang lúc 22 giờ 00 ngày 17/4/2018, thu giữ 03 túi ma túy. Kết luận giám định xác định 03 gói ma túy thu giữ do bị

cáo D vận chuyển là Methamphetamine có tổng khối lượng 2.796,213 gam, thuộc Danh mục các chất ma túy có số thứ tự 67, Danh mục II, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ (số thứ tự 323 Danh mục II các chất ma túy theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Bị cáo Phạm Thị D vận chuyển trái phép khối lượng 2.796,213 gam chất ma túy Methamphetamine nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 “*Phạm tội thuộc 1 trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình*”: *Methamphetamine, ...có khối lượng từ 100g trở lên*” khi xử phạt bị cáo D là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[2]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo biết và nhận thức được tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy; tác hại của ma túy hiện nay đang đến mức báo động trong xã hội và ngày càng có chiều hướng gia tăng gây mất ổn định trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ, bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân; khối lượng ma túy mà bị cáo Phạm Thị D vận chuyển là rất lớn, vượt xa nhiều lần so với khối lượng 100gam định khung theo khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Khi xem xét lượng hình, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xét bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; cha bị cáo là người có công với cách mạng nên áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cũng đã xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng pháp luật. Về kháng cáo của bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu mà lẽ ra bị cáo phải được hưởng thì cấp phúc thẩm thấy “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” mới là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; trong khi bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; khối lượng ma túy mà bị cáo D vận chuyển là rất lớn, vượt xa nhiều lần khối lượng 100gam định khung theo khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng nên xử phạt bị cáo tù chung thân là không nặng. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng mức hình phạt 20 năm tù, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận; do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D, giữ nguyên quyết định tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Thị D **tù chung thân** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2018. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị D.

Về xử lý tang vật vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng trong vụ án là 01 thùng cát tông bên trong chứa tổng cộng 2.786,623 gam chất ma túy sau giám định và vỏ bao gói đã được niêm phong có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và chữ ký của người tham gia niêm phong; 01 ba lô màu xanh. Tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen hiệu Masstel, bên trong có 2 sim; Trả lại cho bị cáo Phạm Thị D 01 chiếc điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, bên trong có 1 sim; 01 thẻ thanh toán và rút tiền Sacombank. Tình trạng vật chứng tịch thu tiêu hủy, điện thoại di động tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước; điện thoại di động, thẻ thanh toán trả lại cho bị cáo theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2018 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát Điều tra với cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Thị D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân